**TUẦN 21 Thứ Hai ngày 29 tháng 1 năm 2024**

**Tiết 1 HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Chào cờ đội**

**Tiết 3 TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố cách tính biểu thức dựa vào tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng theo các cách khác nhau.

- Vận dụng vào giải các bài tập, bài toán thực tế,

**2. Năng lực:** năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, màn chiếu,

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - Nêu tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  - Gọi HS lên bảng làm bài:  *a. 32 × (45 + 55)*  *b. (98 + 23) × 100* | - HS trả lời.  - HS làm bài |
| *Đáp án:*  *a. 32 × (45 + 55)*  *= 32 × 100*  *= 3200*  *b. (98 + 23) × 100*  *= 121 × 100*  *= 12100* |  |
| - GV giới thiệu – ghi bài. |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)** |  |
| **a. Mục tiêu:** - Củng cố cách tính biểu thức dựa vào tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng theo các cách khác nhau.  **b. Cách tiến hành:**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu HS đọc và phân tích mẫu.  *+ Cách 1: Làm tính bình thường.*  *+ Cách 2: Đưa thừa số chung ra ngoài.* | - HS đọc và phân tích |
| - GV yêu cầu một nửa lớp làm ý a và nửa còn lại làm ý b. | - HS làm bài |
| *Đáp án:*  *a. C1: 61 × 4 + 61 × 5 = 244 + 305 = 549*  *C2: 61 × 4 + 61 × 5 = 61 × (4+5)*  *= 61 × 9 = 549*  *b. C1. 135 × 6 + 135 × 2 = 810+270 = 1080*  *C2. 135 × 6 + 135 × 2 = 135 × (6+2)*  *= 135 × 8 = 1080* |  |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì?  + *Thế nào là cách thuận tiện?* | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm. | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở sau đó đổi chéo. | - HS làm bài và đổi chéo vở. |
| *Đáp án:*  *a. 67×3+67×7 = 67×(3+7) = 67 ×10 = 670*  *b. 45×6+45×4 = 45×(6+4) = 45 × 10 = 450*  *c. 27×6+73×6 = 6×(27+73) = 6×100 =600* |  |
| - GV củng cố tìm được thừa số chung giúp chúng ta đưa phép tính về dạng đơn giản hơn. | - HS lắng nghe. |
| - GV khen ngợi HS. |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu HS đọc và phân tích mẫu.  *+ Bài tập này có gì giống và khác bài 2?*  *(Giống: tìm thừa số chung rồi đưa ra ngoài.*  *Khác: Có ba tích còn bài 2 có 2 tích.)* | - HS đọc và phân tích mẫu.  - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HS làm bài vào vở rồi đổi chéo nhau. | - HS làm bài và đổi chéo. |
| - GV gọi HS đọc bài làm | - HS đọc bài |
| *Đáp án:*  *321 × 3 + 321 × 5 + 321 × 2*  *= 321 × (3 + 5 + 2) = 321 × 10 = 3210* |  |
| - GV và HS nhận xét, đánh giá. | - Nhận xét bài bạn. |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Gọi HS phân tích bài toán.  + *Muốn biết cả hai đợt chuyển được bao nhiêu hàng ta làm thế nào?* | - Phân tích bài toán. |
| - GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.  + *Cho 1 nhóm làm bảng phụ.* | - HS thảo luận theo cặp. |
| *Đáp án:*  *Đợt 1 chuyển được số thùng hàng là:*  *44 × 3 = 132 (thùng)*  *Đợt 2 chuyển được số thùng hàng là:*  *56 × 3 = 168 (thùng)*  *Cả hai đợt chuyển được số thùng hàng là:*  *132 + 168 = 300 (thùng)*  *Đáp số: 300 thùng hàng* |  |
| - GV yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng phụ. | - HS nhận xét |
| - GV đánh giá và tuyên dương. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Cho HS tự đặt đề toán theo nhóm 4 rồi trao đổi với nhóm bạn để hoàn thành bài toán. | - HS làm việc nhóm. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

## 

**Tiết 4 TIẾNG VIỆT**

**Đọc: Tờ báo tường của tôi**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tờ báo tường của tôi.*

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời nói, suy nghĩ,… Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện.

- Hiểu được giá trị và biết làm những việc thể hiện tình yêu thương và biết quan tâm đến người khác.

**2. Năng lực:** năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, nhân ái và trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  *\*Ôn bài cũ:*  - Gọi HS đọc thuộc lòng bài *Quả ngọt cuối mùa* và TLCH:  + Tìm những chi tiết thể hiện tình yêu thương của bà dành cho cháu. | - HS đọc và TLCH |
| - GV chia nhóm yêu cầu HS: Nói về một tấm gương trẻ em làm việc tốt mà em biết. | - HS thảo luận |
| - GV gọi đại diện nhóm trình bày | - Đại diện các nhóm trình bày. |
| - GV nhận xét | - Nhóm khác nhận xét, bổ sung |
| - GV chiếu tranh minh họa bài đọc và yêu cầu HS nêu nội dung tranh. | - HS quan sát và nêu nội dung. |
| - Giới thiệu bài – ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (30’)**  **a. Mục tiêu:** - Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tờ báo tường của tôi.*  - Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời nói, suy nghĩ,… Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện.  - Hiểu được giá trị và biết làm những việc thể hiện tình yêu thương và biết quan tâm đến người khác.  **b. Cách tiến hành**  *a. Luyện đọc:*  - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.  - Bài chia làm mấy đoạn?  - GV chốt đoạn *Bài chia làm 4 đoạn:*  *Đoạn 1: Từ đầu đến những bao hàng.*  *Đoạn 2: Tiếp theo đến đồn biên phòng cũng hiện ra.*  *Đoạn 3: Tiếp theo đến được cứu kịp thời.*  *Đoạn 4: Còn lại*  - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó, diễn cảm *(Eng, suýt nữa, hét toáng lên,...)*  - Hướng dẫn HS đọc:  + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Ngày hôm sau,/ chuyện tôi báo cho các chú bộ đội biên phòng/ đến cứu người bị nạn/ lan đi khắp nơi.//;… | - HS đọc  - HS trả lời  - HS đọc nối tiếp lần 1, luyện đọc từ khó  - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp. | - HS luyện đọc nối tiếp N2  - Hs đọc toàn bài |
| *b. Tìm hiểu bài:*  *Câu 1:* Trên con đường đến nhà bạn, cậu bé đã nhìn thấy sự việc gì? Cậu bé có cảm xúc thế nào khi nhìn thấy cảnh tượng đó? |  |
| - GV cho HS đọc thầm đoạn văn, thảo luận nhóm 4 tìm ra câu trả lời.  -GV nhận xét, chốt ý: *Trên con đường đến nhà bạn, cậu bé đã nhìn thấy có người nằm bên gốc cây, bên cạnh chiếc xe máy, ngổn ngang những bao hàng. Cậu bé cảm thấy sợ hãi khi nhìn thấy cảnh tượng đó.* | - HS thảo luận  - Đại diện nhóm trả lời |
| ? Những chi tiết nào cho em biết cảm xúc của nhân vật khi chứng kiến sự việc? | - HS trả lời |
| - GV nhận xét câu trả lời, chốt: *bỗng khựng lại, suýt nữa hét toáng lên vì sợ, đứng ngây ra, tim đập thình thịch.* |  |
| *Câu 2:* Để cứu người bị nạn, cậu bé đã làm gì? Tìm những chi tiết miêu tả khó khăn mà cậu bé đã vượt qua. |  |
| - GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 2 + 3, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi | - HS thảo luận nhóm đôi  - Đại diện nhóm trả lời |
| - GV nhận xét, chốt: *Để cứu người bị nạn, cậu bé đã chạy theo con đường gần nhất đến đồn biên phòng.* |  |
| - *Những chi tiết miêu tả khó khăn mà cậu bé đã vượt qua là: trời nhá nhem tối, khu rừng âm u, tiếng mấy con chim kêu, bàn chân đau nhói vì giẫm lên đá răng mèo....* |  |
| ***Câu 3:*** Nêu cảm nghĩ của em về việc làm của cậu bé trong câu chuyện. *(Gợi ý: cậu bé là một người rất tốt bụng, để cứu người mà cậu không quan tâm bản thân bị sao.)* | - 2 – 3 HS nêu cảm nghĩ |
| ***-* GV nhận xét, chốt lại và nhấn mạnh thêm: Nhân vật cậu bé trong chuyện là một nhân vật dũng cảm và đầy tình yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ người gặp nạn. Tình yêu thương đã giúp cậu bé có thêm can đảm vượt qua nỗi sợ hãi cùng với những khó khăn khi một mình phải chạy trên con đường rừng vắng vẻ,….con đường ngắn nhất.** |  |
| ***Câu 4:*** Vì sao cậu bé lại dùng từ yêu thương đặt tên cho tờ báo tường? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.  A. Vì cậu bé đã hiểu được ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống.  B. Vì cậu bé đã làm được một việc thể hiện tình yêu thương với người gặp hoạn nạn  C. Vì cậu bé muốn lan tỏa tình yêu thương với bạn bè của mình. | - HS suy nghĩ lựa chọn đáp án hoặc nêu ý kiến của mình. |
| ***-* GV khích lệ HS mạnh dạn trao đổi, nêu ý kiến của mình** | - HS phát biểu ý kiến và giải thích lựa chọn của ý kiến của mình. |
| **- GV tổng hợp ý kiến của HS** | - HS nhận xét |
| ***Câu 5:*** Sắp xếp các ý dưới đây cho đúng với trình tự các sự việc trong câu chuyện. |  |
| **- GV cho HS chơi trò chơi “ Nhanh tay nhanh mắt” và chia lớp thành 6 nhóm. GV phát cho mỗi nhóm 5 thẻ chữ và hướng dẫn HS thảo luận.** | - HS thảo luận tìm ra đáp án  - Đại diện nhóm lên bảng tham gia cuộc thi “ Nhanh tay nhanh mắt” |
| **- GV nhận xét, tổng kết trò chơi.** | - Cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung |
| **- Gọi HS đọc lại kết quả đúng** | - 1 – 2 HS đọc |
| **- GV chốt lại kết quả:** Nhìn thấy người bị nạn -> Tìm cách giúp đỡ ->  Chạy đến đồn biên phòng -> Báo tin cho các chú bộ đội -> Cứu được người bị nạn. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Qua bài đọc, em ấn tượng nhất điều gì?  - Hãy nói về việc một tốt của em đã giúp đỡ mọi người: học tập, từ thiện, cứu người bị nạn,... | - HS trả lời.  - HS nêu |
| - GV cho HS quan sát hình ảnh từ thiện của học sinh trong dịp Tết vừa qua. | - HS quan sát |
| - GV liên hệ, giáo dục HS | - HS lắng nghe |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Thứ Ba ngày 30 tháng 11 năm 2024**

**Tiết 1 TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố kiến thức “một số nhân với một hiệu, một hiệu nhân với một số”

- Vận dụng kiến thức tính giá trị của biểu thức và giải các bài tập thực tế liên quan.

**2. Năng lực**: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, màn chiếu,

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - Gọi HS lên bảng làm bài:  *Tính bằng hai cách:*  *32 × (45 + 55)* | - HS làm bài |
| *Đáp án:*  *C1: 32 × (4 + 5) = 32 × 9 = 288*  *C2: 32 × (4 + 5) = 32 × 4 + 32 × 5*  *= 128 + 160 = 288* |  |
| - GV giới thiệu – ghi bài. | - HS ghi bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)** |  |
| **a. Mục tiêu:** - Củng cố kiến thức “một số nhân với một hiệu, một hiệu nhân với một số”  - Vận dụng kiến thức tính giá trị của biểu thức và giải các bài tập thực tế liên quan.  **b. Cách tiến hành:**  **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu HS đọc và phân tích mẫu. | - HS đọc và phân tích |
| - GV yêu cầu một nửa lớp làm ý a và nửa còn lại làm ý b. | - HS làm bài |
| *Đáp án:*  *a. 23 × (7 - 4) = 23 × 3 = 69*  *23 × 7 – 23 × 4 = 161 – 92 = 69*  *Ta có: 23 × (7 - 4) = 23 × 7 – 23 × 4*  *b. (8 – 3) × 9 = 5 × 9 = 45*  *8 × 9 – 3 × 9 = 72 – 27 = 45*  *Ta có: (8 – 3) × 9 = 8 × 9 – 3 × 9* |  |
| - GV nhận xét chung, tuyên dương HS. |  |
| **Bài 2:**  *a. Tính giát trị của biểu thức (theo mẫu)*  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu HS đọc và phân tích mẫu. | - HS thực hiện. |
| - Yêu cầu HS làm bài vào sách sau đó đổi chéo. | - HS làm bài và đổi chéo. |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | b | c | a × (b – c) | a × b – a × c | | 5 | 9 | 2 | 5 *× ( 9 – 2) = 35* | 5 × 9 – 5 × 2 =35 | | 8 | 7 | 3 | 8 *× (7 – 3) = 32* | 8 × 7 – 8 × 3 = 32 | | 14 | 10 | 5 | 14 *× (10 – 5) = 70* | 14 × 10 – 14 × 5 = 70 | | |
| *b. >; <; =*  *a × (b – c) ? a × b – a × c* |  |
| - GV yêu cầu HS nhận xét kết quả các ý của câu a để đưa ra câu trả lời. | - HS trả lời. |
| - GV chốt kiến thức:  *a × (b – c) = a × b – a × c*  *(a – b) × c = a × c – b × c* |  |
| - Gv gọi HS phát biểu bằng lời. | - HS phát biểu. |
| - GV khen ngợi HS. | - Lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì?  + *Thế nào là cách thuận tiện?* | - HS trả lời |
| - Yêu cầu HS nêu cách làm. | - HS nêu |
| - Yêu cầu HS làm bài vào vở sau đó đổi chéo.  *a. 48 × 9 - 48 × 8 = 48 × (9-8) = 48 ×1 = 48*  *b. 156 × 7 – 156 × 2 = 156 × (7-2) = 780* | - HS làm bài và đổi chéo vở. |
| - GV củng cố tìm được thừa số chung giúp chúng ta đưa phép tính về dạng đơn giản hơn. | - HS lắng nghe. |
| - GV khen ngợi HS. |  |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Gọi HS phân tích bài toán.  + *Muốn biết cửa hàng còn lại bao nhiêu mét vải hoa ta làm thế nào?* | - Phân tích bài toán. |
| - GV yêu cầu làm việc theo cặp, thực hiện yêu cầu bài.  + *Cho 1 nhóm làm bảng phụ.* | - HS thảo luận theo cặp. |
| *Gợi ý:*  *Ban đầu cửa hàng có số mét vải hoa là:*  *36 × 9 = 324 (mét)*  *Số tấm vải hoa cửa hàng đã bán là:*  *36* × *(9 – 5) = 144 (mét)*  *Cửa hàng còn lại số mét vải hoa là:*  *324 – 144 = 180 (mét)*  *Đáp số: 180 mét vải hoa* |  |
| - GV yêu cầu HS nhận xét bài trên bảng phụ. | - HS nhận xét |
| - GV đánh giá và tuyên dương. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Cho HS tự đặt đề toán theo nhóm 4 rồi trao đổi với nhóm bạn để hoàn thành bài toán. | - HS làm việc nhóm. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT**

**Luyện từ và câu: Luyện tập về chủ ngữ của câu**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Luyện tập về chủ ngữ, biết đặt câu có chủ ngữ là người, vật, hiện tượng tự nhiên,…

**2. Năng lực:** năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  **-** GV YC HS tìm chủ ngữ thích hợp để hoàn thành câu:  + …. chìm vào giấc ngủ say. *(Em bé)*  + … nằm phơi nắng bên thềm. *(Con mèo)* | **-** 2-3HS trả lời |
| **-** Gọi HS nhắc lại ghi nhớ bài học trước | - HS nhắc lại |
| - Nhận xét, tuyên dương. |  |
| - Giới thiệu bài – ghi bài |  |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)**  **a. Mục tiêu:** - Luyện tập về chủ ngữ, biết đặt câu có chủ ngữ là người, vật, hiện tượng tự nhiên,…  **b. Cách tiến hành:**  **Bài 1:** Tìm chủ ngữ thích hợp thay cho bông hoa trong đoạn văn dưới đây.  - Gọi HS nêu yêu cầu. | - HS nêu |
| **-** Mời HS đọc đoạn văn và chủ ngữ cần điền | - HS đọc |
| **-** GV YC HS suy nghĩ tự làm bài ra nháp. | - HS suy nghĩ, làm bài |
| **-** GV cho HS trao đổi kết quả trong nhóm 4. | - HS trao đổi kết quả |
| - GV mời đại diện nhóm lên bảng gắn chủ ngữ thích hợp vào đoạn văn. | - Đại diện nhóm lên bảng làm bài và giải thích cách làm. |
| - GV nhận xét, chốt đáp án: Chủ ngữ cần điền lần lượt là: **Bầu trời, Na, cô bé, người và xe, cả dãy phố.** | - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. |
| - Mời HS đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh | - HS đọc |
| **Bài 2:** Tìm chủ ngữ thích hợp để hoàn thành câu. Viết các câu vào vở. | - HS đọc yêu cầu và xác định yêu cầu của bài. |
| - GV cho HS tự làm bài vào vở | - HS làm bài vào vở |
| - Gọi HS đọc bài làm | - HS lần lượt nêu bài làm |
| - GV nhận xét, tuyên dương HS tìm được chủ ngữ phù hợp | - Cả lớp theo dõi, nhận xét |
| - Chốt đáp án: *Gợi ý*  a) **Bạn Hoa** thích giúp đỡ bạn bè trong lớp.  b) **Chú chim chích bông** nhảy nhót, chuyền từ cành này sang cành khác.  c) **Gió** thổi vi vu. | - HS chữa bài |
| - BT1 và BT2 củng cố thành phần nào của câu? Thành phần đó có tác dụng gì? | - HS trả lời |
| **Bài 3:** Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong mỗi câu dưới đây. | - HS xác định yêu cầu của bài |
| - Các bộ phận in đậm là thành phần nào của câu? Thành phần đó thường trả lời cho câu hỏi nào? | - HS nêu |
| \* Thành phần chủ ngữ trả lời cho câu hỏi ai, cái gì, con gì,... |  |
| - GV cho HS suy nghĩ cá nhân tìm đáp án | - HS suy nghĩ |
| - YC HS trao đổi đáp án theo nhóm 2 | - HS trao đổi |
| - Mời đại diện nhóm trình bày | - Đại diện nhóm trình bày |
| - GV nhận xét, chốt đáp án:  a,**Cái gì**che kín bầu trời?  b, **Cái gì** hiện ra trước mắt tôi?  c, **Ai** đang đứng gác trước cổng? | - HS nhận xét, chữa bài |
| **Bài 4:**  - Gọi HS nêu yêu cầu | - HS nêu yêu cầu |
| - GV chiếu tranh, yêu cầu HS quan sát và đưa ra các danh từ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên. | - HS lần lượt trả lời |
| - Danh từ có thể là: *em bé, con gà, ngôi nhà, thóc, cái chum, mặt trời, đám mây,...* |  |
| - Dựa vào các danh từ vừa tìm được, GV yêu cầu HS đặt câu vào vở | - HS tự làm bài vào vở |
| - GV mời HS đọc câu của mình | - HS đọc câu |
| - GV nhận xét, khen HS đặt câu hay  Gợi ý: a, Cô bé đang cho đàn gà ăn.  b, Đàn gà đang chăm chỉ mổ thóc.  c, Mặt trời đang tỏa những tia nắng ấm áp xuống sân. | - HS nhận xét, góp ý |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm:**  - Nêu tác dụng chủ ngữ. Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi nào? | - HS nêu |
| - Đặt câu có chủ ngữ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên. | - HS đặt câu |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 3 TIẾNG VIỆT**

**Viết: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc**

**về một nhân vật trong văn học**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc, đã nghe**.**

**2. Năng lực:** năng lực ngôn ngữ, tư duy, giải quyết vấn đề sáng tạo.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV gọi HS đọc lại bài tìm ý ở tiết trước  - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. | - 2-3 HS đọc bài làm  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)** |  |
| **a. Mục tiêu:** - Biết viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc, đã nghe**.**  **b**. **Cách tiến hành:**  **Đề bài:** Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc, đã nghe**.** |  |
| **Bài 1:** Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở Bài 4, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.  - Gọi HS đọc yêu cầu | - HS đọc |
| **-** Trong hoạt động Viết ở Bài 4 các em đã được hướng dẫn tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong văn học. Dựa vào kết quả tìm ý đó, tiết này các em sẽ thực hành viết đoạn văn. |  |
| **-** GV YC HS tự viết đoạn văn vào vở. | - HS viết vào vở |
| **-** GV nhắc HS viết theo các ý đã tìm ở bài học trước. |  |
| **-** GV quan sát, hỗ trợ HS viết bài, trao đổi, góp ý với những em viết bài chưa tốt. |  |
| **Bài 2:** Đọc soát và chỉnh sửa |  |
| **-** GV yêu cầu HS đọc lại bài của mình để phát hiện lỗi theo các nội dung:  + Bố cục đoạn văn có đủ 3 phần mở đầu, triển khai, kết thúc không? Các câu trong đoạn có bám sát yêu cầu về nội dung của từng phần trong đoạn không?  + Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc có đa dạng không?  + Cách dùng từ, đặt câu có chính xác không?  + Đoạn văn có mắc lỗi chính tả không? | - HS đọc bài và soát lỗi theo gợi ý |
| **-** GV thu bài làm của học sinh để nhận xét, góp ý từng bài chuẩn bị cho tiết trả bài. | - HS thu bài làm của mình |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng. (Tự làm một tấm thiệp, viết lời nhắn yêu thương tặng mẹ nhân ngày 8 tháng 3.) | - HS đọc yêu cầu hoạt động vận dụng |
| - GV chiếu một vài tấm thiệp mẫu | - HS quan sát |
| - GV yêu cầu HS hoàn thành sản phẩm ở nhà và nhắc HS viết lời nhắn yêu thương gửi mẹ phải chân thành, xuất phát từ tình cảm thật của mình.  - GV nhận xét tiết học. | - HS thực hiện ở nhà |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 5 LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**Bài 17: Một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung** **(T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

– Xác định được vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ lược đồ.

– Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung.

**2. Năng lực:** giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ tự học.

**3. Phẩm chất:** yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, lược đồ, video, phiếu học tập.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS xem hình ảnh về Thánh địa Mỹ Sơn – di sản văn hoá của tỉnh Quảng Nam. | - HS quan sát. |
| - Yêu cầu HS kể tên một số di sản điển hình của vùng Duyên hải miền Trung. | - HS kể tên |
| - GV giới thiệu-ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới (30’)** |  |
| **a. Mục tiêu:** – Xác định được vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ lược đồ.  – Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung.  **b. Cách tiến hành**  ***2.1. Tìm hiểu vùng đất hội tụ nhiều di sản thế giới*** |  |
| - GV mời 1-2 HS đọc thông tin trong SGK. | - 1-2 HS đọc thông tin. |
| - GV giới thiệu các di sản ở hình 2,3 và cho HS xem video về các di sản này.  + Hình 2. Hàng Sơn Đoòng (tỉnh Quảng Bình): Đây là hang động lớn nhất thế giới. thuộc vùng lõi của Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Năm 2009, Sơn Đoòng được đoàn thám hiểm thuộc Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh thám hiểm và công bố là hang động có kích thước lớn nhất thế giới với chiều dài gần 9 km, rộng hơn 150 m, cao 200 m. Năm 2013, sách Kỉ lục ghi nét công bố kỉ lục hang động tự nhiên lớn nhất thế giới dành cho Sơn Đoòng. Năm 2015, hang động này tiếp tục được đưa vào sách kỉ lục là hàng lớn nhất thế giới về thể tích (38,5 triệu m3). Hàng Sơn Đoòng không chỉ nổi tiếng với kích thước khổng lồ mà nó còn sở hữu một hệ thực vật và động vật phong phú với một khu rừng còn nguyên vẹn và đa dạng sinh học mà không có dấu vết của con người (được đặt tên là Vườn Ê-den). Hang Sơn Đoòng đã hai lần được UNESCO ghi danh là Di sản thiên nhiên thế giới vào các  năm 2003 và 2015.  - Hình 3. Biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế. Đây là buổi biểu diễn Nhã nhạc cung đình Huế tại Nhà hát Duyệt Thị Đường (nhà hát cổ nhất của nước ta xây dựng năm 1826) để Vua và Hoàng hậu Nhật Bản thưởng thức nhân dịp đến thăm Cố đô Huế năm 2017. | - HS quan sát và lắng nghe. |
| - Yêu cầu HS quan sát lược đồ ở hình 4 và thảo luận nhóm đôi và kể tên, xác định vị trí các di sản thế giới vùng Duyên hải miền Trung. | * HS thảo luận nhóm đôi |
| - Mời đại diện một số nhóm kể tên và xác định vị trí các di sản thế giới vùng Duyên hải miền Trung trên lược đồ. | * Đại diện một số nhóm trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung. |
| - GV nhận xét, cho HS xem hình ảnh các di sản và kết luận: *Duyên hải miền Trung là vùng đất hội tụ nhiều di sản thế giới như: Cố đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,...* | * HS quan sát, lắng nghe. |
| - Yêu cầu HS quan sát lược đồ ở hình 4 và thảo luận nhóm 4 để hoàn thành phiếu học tập: | - HS thảo luận nhóm 4. |
| - GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp; các nhóm khác theo dõi, bổ sung. | - Đại diện một số nhóm trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung. |
| *-* GV nhận xét, kết luận: *Duyên hải miền Trung hội tụ nhiều loại hình di sản thế giới như: di sản thiên nhiên, di sản văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể có cả loại hình độc đáo như di sản tư liệu. Các di sản này trải dài từ Thanh Hoá đến Phú Yên, nhưng tập trung nhất là ở Thừa Thiên Huế và Quảng Nam.* | * HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - GV cho HS xem video giới thiệu về một số di sản văn hoá phi vật thể: ca trù, dân ca, nhã nhạc cung đình… | - HS quan sát. |
| - Nhận xét giờ học |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 6 ĐẠO ĐỨC**

**Bài 6: Thiết lập quan hệ bạn bè (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Sau bài học, HS cần:

+ Biết vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè.

+ Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập được quan hệ bạn bè.

**2. Năng lực**: giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất:** nhân ái, yêu mến, quý trọng bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: giấy A4, bút màu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS hát bài hát “Đến đây chơi cùng”. | - HS thực hiện. |
| - GV gọi HS chia sẻ cảm nhận về nội dung bài hát | - 3-4 HS chia sẻ. |
| - GV tổng kết phần chia sẻ của HS, giới thiệu – ghi bài. | - Ghi bài |
| **2. Hình thành kiến thức (15’)** |  |
| **a. Mục tiêu**: + Biết vì sao phải thiết lập quan hệ bạn bè.  + Nhận biết được cách đơn giản để thiết lập được quan hệ bạn bè.  **b. Cách tiến hành:**  ***Hoạt động 1. Khám phá vì sao cần thiết lập quan hệ bạn bè?*** |  |
| - GV gọi HS đọc diễn cảm câu chuyện “Người bạn mới”. | - HS đọc câu chuyện |
| - GV mời một vài HS đọc/kể tóm tắt câu chuyện. | - HS tóm tắt nội dung chính |
| – GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:  *+ Em có nhận xét gì về việc làm của Mác dành cho người bạn mới của mình? Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho hai bạn điều gì?*  *+ Theo em, vì sao chúng ta cần thiết lập quan hệ bạn bè?* | - HS thảo luận |
| *Trả lời:*  *+ Mác là một người bạn thân thiện, tốt bụng, sẵn sàng giúp đỡ bạn khi thấy bạn gặp khó khăn. Cuộc gặp gỡ đã mang đến sự khởi đầu cho một tình bạn đẹp và dài lâu giữa Mác và người bạn mới.*  *+ Chúng ta cần thiết lập quan hệ bạn bè vì điều đó sẽ giúp chúng ta có thêm những người bạn mới để cùng chơi, cùng trò chuyện và chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với nhau.* |  |
| – GV nhận xét và kết luận: *Trong cuộc sống, ai cùng cần có những người bạn để cùng nhau sẻ chia buồn, vui trong cuộc sống. Thiết lập quan hệ bạn bè sẽ giúp chúng ta có những người bạn như thế.* | - HS lắng nghe. |
| ***Hoạt động 2. Tìm hiểu cách thiết lập bạn bè*** |  |
| - GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân: Quan sát tranh trong SGK và nhận diện nội dung tranh. | - HS thực hiện. |
| - GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi:  *+ Các bạn trong mỗi tranh đã làm gì để thiết lập quan hệ bạn bè?*  *+ Theo em, còn có cách nào khác để thiết lập quan hệ bạn bè?* | - HS thảo luận. |
| - GV tổ chức cho các nhóm trình bày kết quả thảo luận. (có thể mời mỗi thành viên trong nhóm trình bày về một tranh). | - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét và bổ sung |
| – Gợi ý:  *Tranh 1: Bạn nam giới thiệu bản thân và thể hiện mong muốn được làm quen với bạn nữ.*  *Tranh 2: Bạn nữ thể hiện sự quan tâm và chia sẻ với bạn qua việc mời bạn cùng che chung ô khi trời mưa mà bạn quên không mang ô.*  *Tranh 3: Bạn nam chủ động để nghị được tham gia đá bóng cùng các bạn.*  *Tranh 4: Bạn nữ chia sẻ sở thích của mình với bạn.* |  |
| – GV nhận xét và kết luận: *Để thiết lập quan hệ bạn bè, chúng ta cần giới thiệu bản thân; chủ động thể hiện mong muốn làm quen và chơi cùng bạn; thể hiện sự quan tâm tới bạn; chia sẻ sở thích chung với bạn; luôn thể hiện thái độ thân thiện, cởi mở….* | - HS lắng nghe. |
| **3. Luyện tập thực hành (15’)** |  |
| ***Bài tập 1. Lựa chọn cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè*** |  |
| – GV giới thiệu trò chơi “Bạn chọn cách nào?”. | - HS lắng nghe luật chơi |
| – GV chia lớp thành các đội tương ứng với các dãy bàn, mỗi đội cử ra 6 thành viên tham gia trò chơi tiếp sức, HS còn lại ở mỗi đội đóng vai trò là cổ động viên cho đồng đội của mình. 6 thành viên có 5 phút quan sát nội dung tranh và thống nhất ý kiến. |  |
| – GV ghi các cách thiết lập quan hệ bạn bè vào bảng phụ.  *a. Tự giới thiệu bản thân và hỏi tên bạn.*  *b. Luôn thể hiện thái độ vui vẻ, cởi mở.*  *c. Chỉ trò chuyện với người quen khi đến môi trường mới.*  *d. Giao tiếp bằng mắt và mỉm cười khi trò chuyện.*  *e. Liên tục kể với bạn về bản thân mình.*  *g. Thể hiện sự quan tâm và chia sẻ sở thích của mình với bạn.*  *h. Luôn tỏ ra mình là người thông minh, tài giỏi.* | - HS quan sát |
| – Gắn bảng phụ vào khoảng giữa bảng, phân chia khu vực ghi bảng cho các đội. – Thành viên các đội xếp thành hàng dọc, hướng về phía vị trí phần bảng của đội mình và lần lượt gắn mặt cười/mặt mếu tương ứng với số thứ tự của các tranh. | - HS chú ý vị trí của đội mình |
| - GV nhận xét và tuyên dương đội hoàn thành phần chơi nhanh và chính xác nhất. | - HS lắng nghe. |
| - GV mời một số HS nêu các cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè và giải thích về sự lựa chọn của mình. | - HS nêu |
| – Gợi ý:  *Các cách phù hợp để thiết lập quan hệ bạn bè:*  *a. Tự tin giới thiệu bản thân và hỏi tên bạn. Điều này thể hiện mong muốn được biết và làm quen với bạn.*  *b. Luôn thể hiện thái độ vui vẻ, cởi mở. Thái độ vui vẻ, cởi mở sẽ tạo cho bạn cảm giác mình là người thân thiện, dễ gần.*  *c. Giao tiếp bằng mắt và mỉm cười khi trò chuyện. Điều này cho bạn thấy mình đang tập trung và thích thú với cuộc trò chuyện.*  *d. Thể hiện sự quan tâm và chia sẻ sở thích của mình với bạn. Điều này sẽ giúp bạn hiểu hơn vẽ mình và có thể tìm thấy điểm chung với mình.* |  |
| – GV nhận xét và kết luận: *Để thiết lập quan hệ bạn bè, chúng ta nên: tự tin giới thiệu bản thân và hỏi tên bạn, luôn thể hiện thái độ vui vẻ và cởi mở, giao tiếp bằng mắt và mỉm cười khi trò chuyện, thể hiện sự quan tâm và chia sẻ sở thích của mình với bạn; không nền: chỉ trò chuyện với người quen khi đến môi trường mới, liên tục kể với bạn về bản thân mình, luôn tỏ ra mình là người thông minh, tài giỏi.* | - HS lắng nghe |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm (3-5’)** |  |
| - GV khuyến khích HS kết bạn với một vài người bạn/em/anh/chị khác lớp để giờ sau kể cho cả lớp nghe. | - Ghi nhớ |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 7 GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Bài 2: Bài tập rèn luyện kĩ năng bật xa**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- Thực hiện được bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc.

- Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc.

**2. Năng lực**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường gấp khúc trong sách giáo khoa và quan sát động tác mẫu của giáo viên.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**3. Phẩm chất**

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

**II. ĐỊA ĐIỂM – PHƯƠNG TIỆN**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lượng VĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **T. gian** | **S. lần** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,..  - Trò chơi “Lộn cầu vồng”    **II. Phần cơ bản:**  **- Kiến thức.**  - Ôn bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên đường .gấp khúc  -**Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Tập theo cá nhân  Thi đua giữa các tổ  - Trò chơi “Chạy tiếp sức”.    - Bài tập PT thể lực:  **- Vận dụng:**  **III.Kết thúc**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  - Xuống lớp | 5 – 7’  2-3’  16-18’  3-5  4- 5’ | 2x8N  1 lần  4 lần  3 lần    4 lần  1 lần  1 lần | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - GV HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  - GV làm mẫu lại động tác kết hợp phân tích kĩ thuật , những lưu ý khi thực hiện động tác  - Cho 2 HS lên thực hiện động tác mẫu  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương   * GV thổi còi - HS thực hiện động tác. * Gv quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. * Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS * Phân công tập theo cặp đôi   GV Sửa sai   * GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. * GV và HS nhận xét đánh giá tuyên   dương.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  - Cho HS chạy XP cao 20m  - Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi?  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  - HS khởi động theo GV.  - HS Chơi trò chơi.    - HS nghe và quan sát  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  HS quan sát GV làm mẫu  HS tiếp tục quan sát  - Đội hình tập luyện đồng loạt.        ĐH tập luyện theo tổ  🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 GV 🚹   * HS vừa tập vừa giúp đỡ nhau sửa động tác sai   - Từng tổ lên thi đua trình diễn  - Chơi theo hướng dẫn        HS chạy kết hợp đi lại hít thở  - HS trả lời  - HS thực hiện thả lỏng  - ĐH kết thúc  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**Thứ Tư ngày 31 tháng 1 năm 2024**

**Tiết 2 TOÁN**

**Nhân với số có hai chữ số**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- HS biết thực hiện cách nhân với số có hai chữ số. Vận dụng vào giải các bài tập và bài toán thực tế có liên quan.

- Nhận biết được các tích riêng trong phép nhân với số có hai chữ số.

**2. Năng lực**: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, màn chiếu

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV yêu cầu HS thực hiện tính:  *34 × (10 + 2)* | - 1 HS lên bảng làm bài, dưới lớp làm vào vở nháp. |
| *Gợi ý:*  *34 × (10 + 2) = 34 × 10 + 34 × 2 = 408* |  |
| - GV nhận xét bài và để nguyên bài trên bảng để bắt kiến thức mới. | - Lắng nghe. |
| - GV giới thiệu- ghi bài | - Ghi bài. |
| **2. Hình thành kiến thức: (15’)** |  |
| **a. Mục tiêu:** - HS biết thực hiện cách nhân với số có hai chữ số. Vận dụng vào giải các bài tập và bài toán thực tế có liên quan.  - Nhận biết được các tích riêng trong phép nhân với số có hai chữ số.  **b. Cách tiến hành:**  - GV gọi HS nêu nội dung bức tranh. | - HS nêu. |
| - GV gọi Hs nêu bài toán bạn nữ trong hình đưa ra. | - HS đọc bài toán |
| - Yêu cầu HS phân tích bài toán:  *+ Bài toán cho biết gì?*  *+ Bài toán hỏi gì?*  *+ Muốn biết 12 ô tô như thế chở được bao nhiêu học sinh ta làm thế nào?* | - Phân tích bài toán. |
| - GV cho HS làm việc theo nhóm để tìm được đáp án. | - HS làm việc nhóm |
| - GV dẫn dắt để HS nhận ra phép tính *34 × 12*  được tính chính là phép tính của phần kiểm tra bài cũ. | - HS chú ý lắng nghe. |
| - GV giới thiệu: Thông thường ta làm bằng cách đặt tính. | - Lắng nghe và ghi nhớ. |
| + Bước 1: Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau, dấu nhân viết lệch sang trái. | - Nối tiếp HS nêu. |
| + Bước 2: Tính  > GV gọi HS tính theo hướng dẫn để GV ghi (ghi cả phần lời và phần phép tính).  >> Lấy chữ số của hàng đơn vị của thừa số thứ hai nhân với từng chữ số của thừa số thứ nhất từ phải sang trái. Ta được tích riêng thứ nhất là 68 (68 đơn vị).  >> Nhân chữ số hàng chục tương tự (lưu ý HS cách viết lùi sang trái 1 cột). Ta được tích riêng thứ hai là 34 (34 chục hay 340 đơn vị). | - HS tính bằng lời. |
| - GV gọi 2 -3 HS nêu lại cách tính. | - 2-3 HS nêu. |
| - GV tuyên dương, khen ngợi HS và chốt lại kiến thức. | - Lắng nghe. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15’)** |  |
| **Bài 1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài có mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu nào? | - HS trả lời. |
| - GV gọi HS nhắc lại cách đặt tính và cách tính. | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu 1 HS tính bằng lời cho GV ghi phép tính đầu tiên *87 × 23.* | - 1 HS tính bằng lời. |
| - GV yêu cầu 2 HS làm bài vào bảng phụ, HS dưới lớp làm vào vở ô ly. | - HS làm bài. |
| - GV và HS nhận xét bài của HS trên bảng phụ. | - Nhận xét. |
| *Đáp án:* |  |
| - GV tổng kết kiến thức của bài. |  |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - HS trả lời |
| - GV gọi HS đọc các phép tính và các kết quả. | - HS đọc. |
| - Muốn nối đúng phép tính với kết quả ta phải làm gì? | - Ta phải tính. |
| - GV yêu cầu HS làm bài và đổi chéo. | - HS làm bài và đổi chéo. |
|  | |
| - GV yêu cầu HS giải thích cách làm để chọn được đáp án. | - HS thực hiện. |
| - GV khen ngợi HS. |  |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Gọi HS phân tích bài toán. | - HS phân tích. |
| - GV yêu cầu HS làm bài vào vở ô ly, 1 HS làm bảng phụ. | - HS làm bài. |
| *Gợi ý:*  *Cửa hàng đó có tất cả số kilogam ngô là:*  *35 × 18 = 630 (kg)*  *Đáp số: 630kg ngô* |  |
| - GV cùng HS nhận xét. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - GV đưa phép tính: 302 *×* 27 và yêu cầu HS làm. | - HS làm bài. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 3+4 TIẾNG VIỆT**

**Đọc: Tiếng ru**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Tiếng ru, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện rời khuyên nhủ, mong ước của cha mẹ dành cho con cái.

- Nhận biết được hình ảnh thơ trong việc biểu đạt nội dung của mỗi khổ thơ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ.

- Sử dụng được một tính từ trong bài thơ để viết câu. Xác định được chủ ngữ, vị ngữ của câu đã viết.

**2. Năng lực**: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài tập.

- HS: sgk, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV gọi HS đọc bài *Tờ báo tường của tôi* nối tiếp theo đoạn. | - HS đọc nối tiếp |
| - GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Nêu cảm nghĩ của em về việc làm của cậu bé trong câu chuyện? | - HS trả lời |
| - GV cho HS nghe bài hát ru: Cày đồng đang buổi ban trưa. <https://www.youtube.com/watch?v=7I9hndHo-Zo> | - HS lắng nghe |
| - Bài hát ru nói về nội dung gì? Em cảm thấy thế nào khi nghe bài hát ru đó? | - HS phát biểu cảm nghĩ |
| \**Bài hát nói về nỗi vất vả trong lao động của người nông dân. Để làm ra hạt gạo họ phải đổ mồ hôi, công sức trên những cánh đồng. Vì thế cần có thái độ kính trọng và biết ơn người lao động.* |  |
| - GV dẫn dắt giới thiệu bài: Bài thơ *Tiếng ru* sẽ giúp các em hiểu được những lời tâm tình, khuyên nhủ cùng những mong ước của cha mẹ dành cho con cái. | - HS lắng nghe |
| - GV ghi bài. | - HS ghi vở |
| **2. Hình thành kiến thức: ( 30’)**  **a. Mục tiêu:** - Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Tiếng ru, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện rời khuyên nhủ, mong ước của cha mẹ dành cho con cái.  - Nhận biết được hình ảnh thơ trong việc biểu đạt nội dung của mỗi khổ thơ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ.  **b. Cách tiến hành**  *a. Luyện đọc:*  - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. | - HS đọc, cả lớp đọc thầm. |
| - GV nêu giọng đọc. |  |
| - Bài có mấy khổ thơ? | - 4 khổ thơ |
| - HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó , diễn cảm(VD: đốm lửa tàn, chắt chiu,...), kết hợp giải nghĩa từ. (nhân gian, bồi) | - HS đọc nối tiếp lần 1, luyện đọc từ khó, giải nghĩa từ |
| - Hướng dẫn HS đọc ngắt nghỉ các dòng thơ; nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc, những câu hỏi tu từ ( núi chê đất thấp, núi ngồi ở đâu?,...) | - HS lắng nghe |
| - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. | - HS luyện đọc |
| - GV nhận xét việc đọc của cả lớp. |  |
| *b. Tìm hiểu bài:*  *Câu 1:* Bài thơ là lời của ai? Từ ngữ nào cho em biết điều đó? | - HS trả lời  - HS nhận xét |
| GV chốt: Bài thơ là lời của cha mẹ nói với con cái. Từ ngữ: con ơi, mẹ yêu con, con – thầy, các con. |  |
| *Câu 2:* Khổ thơ đầu khuyên chúng ta điều gì? Tìm ý đúng. | - HS đọc câu hỏi và đáp án |
| **- GV cho HS trao đổi theo nhóm 4 để tìm ra câu trả lời.** | - HS thảo luận nhóm 4 |
| **- GV mời HS trình bày** | - Đại diện nhóm trình bày |
| **- GV nhận xét, chốt đáp án đúng là D.** Cần phải gắn bó với cộng đồng, yêu thương mọi người. | - HS nhận xét |
| *Câu 3:* Hình ảnh nào giúp chúng ta hiểu vai trò, sức mạnh của sự đoàn kết? |  |
| - GV nhắc HS đọc kĩ khổ thơ thứ 2 để tìm ra câu trả lời. | - HS tìm và trao đổi với bạn |
| - GV gọi HS phát biểu  GV chốt đáp án: Hình ảnh một ngôi sao chẳng sáng đêm, một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng, một người đâu phải nhân gian giúp chúng ta hiểu vai trò, sức mạnh của sự đoàn kết. | - HS tiếp nối nêu |
| - Những hình ảnh rất gần gũi đó đã giúp chúng ta hiểu vì sao cần phải đoàn kết. Đoàn kết tạo nên sức mạnh tập thể, giúp chúng ta dễ dàng vượt qua khó khăn để đi đến thành công. Đoàn kết giúp con người không cảm thấy lạc lõng trong tập thể, cộng đồng. | - HS lắng nghe, liên hệ phải biết đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập để tập thể lớp ngày càng vững mạnh. |
| *Câu 4:* Em nhận được lời khuyên gì từ khổ thơ thứ ba? | - 2 - 3 HS trả lời  - HS khác nhận xét |
| - GV nhận xét, chốt đáp án: Khuyên phải sống khiêm tốn, biết tôn trọng, biết nhớ ơn những người đã mang lại cho mình cuộc sống tốt đẹp. |  |
| - GV nói kĩ hơn về hình ảnh “núi cao vì có đất bồi”, “muôn dòng sông đổ biển sâu” từ đó đưa ra lời khuyên về lối sống đẹp: cần phải biết ơn giá trị tốt đẹp mà các em nhận được từ cuộc sống. |  |
| *Câu 5:* Khổ thơ cuối nói gì về tình cảm của cha mẹ dành cho con cái? |  |
| - GV mời 1 HS đọc câu hỏi trước lớp | - 1 HS đọc |
| - GV cho HS làm việc nhóm 4 | - HS thảo luận  - Đại diện nhóm trả lời |
| - GV nhận xét, chốt: Khổ thơ cuối nói về tình cảm yêu thương vô bờ và niềm hi vọng của cha mẹ dành cho con. |  |
| ? Theo em, nhà thơ đưa ra lời khuyên nhủ bằng cách nào? | - HS trả lời |
| \* Mỗi khổ thơ là một lời khuyên khác nhau. Nhà thơ đã đưa ra những hình ảnh cụ thể, gần gũi để đưa ra lời khuyên nhủ, giúp lời khuyên trở nên thuyết phục. |  |
| **3. Luyện tập, thực hành: (10’)** |  |
| - 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ | - HS đọc |
| - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. | - HS thực hiện |
| - GV hướng dẫn HS đọc thuộc lòng 3 khổ thơ đầu. |  |
| - GV mời một số HS đọc thuộc lòng | - HS đọc thuộc lòng 3 khổ thơ đầu. |
| - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| **Câu 1:** Tìm tính từ có trong khổ thơ thứ ba. |  |
| - GV cho HS tìm và gạch chân | - HS tìm |
| - Mời 1 HS lên bảng làm phiếu khổ lớn | - 1 HS lên bảng |
| - GV nhận xét, chữa bài: cao, thấp, sâu, nhỏ | - HS nhận xét, bổ sung |
| Câu 2: Đặt 2-3 câu với những tính từ vừa tìm được. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của từng câu. | - HS làm bài vào vở |
| - GV chiếu bài làm của HS | - Cả lớp quan sát, nhận xét, bổ sung |
| - GV nhận xét, khen ngợi HS đặt câu hay |  |
| - GV cho HS trao đổi vở với bạn cùng bàn | - HS trao đổi, nhận xét bài làm của bạn. |
| ? Chủ ngữ trong các câu em đã viết cho biết đối tượng được nói đến trong câu là gì? Vị ngữ trong các câu em viết nêu đặc điểm gì về đối tượng được nói ở chủ ngữ? | - HS trả lời |
| - Bài đọc khuyên em điều gì? | - HS trả lời |
| *\*Con người sống giữa cộng đồng phải yêu thương anh em, bạn bè, đồng chí.* |  |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 5 KHOA HỌC**

**Bài 20: Nấm ăn và nấm trong chế biến thực phẩm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- HS khám phá được lợi ích của một số nấm men trong chế biến thực phẩm thông qua thí nghiệm thực hành hoặc quan sát tranh, ảnh, video.

**2. Năng lực**: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, màn chiếu, bột mì, men nở, đường, nước ấm, găng tay, ca, bát, cân, đũa.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Nêu tên các loại nấm mà em biết.*  *+ Em thích ăn loại nấm nào nhất?* | - HS trả lời |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (30’)**  **a. Mục tiêu:**- HS khám phá được lợi ích của một số nấm men trong chế biến thực phẩm thông qua thí nghiệm thực hành hoặc quan sát tranh, ảnh, video.  **b. Cách tiến hành**  **HĐ2: Nấm men**  ***a. Thông tin về nấm men:***  - GV gọi HS đọc thông tin trong khung xanh ở sgk và hỏi:  *+ Nấm men để tạo ra các sản phẩm nào?* | - Đọc thông tin và trả lời câu hỏi. |
| ***b. Tìm hiểu quy trình làm bánh mì***  - GV gọi HS đọc thông tin và quan sát hình 5. | - HS thực hiện. |
| - GV đặt câu hỏi:  *+ Các nguyên vật liệu cần thiết để làm bánh mì là gì?* | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu các nhóm kiểm tra lại nguyên vật liệu của nhóm mình. | - Kiểm tra lại nguyên liệu. |
| - GV cho HS xem video quy trình làm bánh mì.  *+ Link video: https://youtu.be/rYOvaXWFzVQ* | - HS xem video |
| - GV đặt câu hỏi:  *+ Vì sao phải nhào bột kĩ? (để men nở thấm đều vào bột)*  *+ Vì sao phải ủ bột 30-40 phút với khăn ấm? (để bột không khô và men nở phát huy tác dụng)* | - HS trả lời |
| ***c. Thực hành làm bánh mì***  - GV chiếu lại từng bước video cho HS làm theo. | - HS làm theo nhóm |
| - GV quan sát, hướng dẫn thêm cho các nhóm. | - HS làm bánh |
| - GV gọi HS báo cáo:  *+ Nhận xét độ nở của bột mì trước và sau khi ủ.* | - HS báo cáo. |
| ***d. Chia sẻ thông tin.***  - GV đặt câu hỏi:  1. Nấm men có tác dụng gì trong quy trình làm bánh mì nêu trên?  *+ Nấm men có vai trò lên men tinh bột trong bột mì, tạo ra khí cacbonic giúp làm nở bánh mì.* | - HS trả lời |
| 2. Giai đoạn ủ ở bước 3 có tác dụng gì?  *+ Giai đoạn ủ ở bước 3 có tác dụng tạo điểu kiện thuận lợi cho nấm men hoạt động và lên men các chất bột đường.* |  |
| 3. Quan sát hình 6 và cho biết vai trò của nấm men trong việc tạo ra các sản phẩm đó.  *+ Các sản phẩm có trong hình 6 là gì? (bia, bánh mì, bánh bao)*  *+ Các sản phẩm đó đều sử dụng nguyên liệu gì? (nấm men)*  *+ Nấm men trong các sản phẩm đó hoạt động thế nào? (chủ yếu là lên men các chất bột đường)*  *+ Chia sẻ thêm những ứng dụng khác của nấm men trong chế biến thực phẩm. (lên men rượu vang, muối dưa, muối cà, …)* | - HS hoạt động |
| - GV cho HS trưng bày sản phẩm và đánh giá. | - Trưng bày sản phẩm. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Về nhà làm tiếp bước 4 và bước 5 cùng người lớn và chụp lại ảnh. | - HS ghi nhớ và thực hiện. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 6 TOÁN (BS)**

**Luyện tập toán**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức, kĩ năng***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Thực hiện đặt tính rồi tính 4 phép tính cộng, trù, nhân, chia số tự nhiên.

+ Thực hiện giải toán có lời văn liên quan tới một số hình học đã học (ôn tập).

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở luyện tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở luyện tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học: | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành. (30’)**  **a. Mục tiêu:** + Thực hiện đặt tính rồi tính 4 phép tính cộng, trù, nhân, chia số tự nhiên.  + Thực hiện giải toán có lời văn liên quan tới một số hình học đã học (ôn tập).  **b. Cách tiến hành:**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3 Vở luyện tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4 Vở luyện tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 4 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Đặt tính rồi tính**  - 4 HS lên bảng làm bài.  25 360 + 54 725 172 098 – 35 039  1 820 x 3 6 405 : 6  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *🡺 Gv chốt cách đặt tính và thực hiện các phép tính* | Học sinh làm bài vào sách luyện tập toán  **25 360 172 098 1 820**  **+ - x**  **54 725 35 039 3**  **80 085 137 059 5 460**  **6 405 6**  **04**  **40 1 067**  **45**  **3**  - HS nhận xét bài làm trên bảng của bạn. |
| **\* Bài 2:** Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.  Bác Hải đã đi xe máy từ Hà Nội vào Sài Gòn. Biết quãng đường từ Hà Nội đến Vinh (Nghệ An) là 280km, từ Vinh đến Đà Nẵng là 510km và từ Đà Nẵng đến Sài Gòn là 898km. Độ dài quãng đường mà bác Hải đi là:  A. 1588 km B. 1 598 km  C. 1 688 km D. 1698 km  - HS đọc đề bài và phân tích đề bài  -Tổ chức cho HS chia sẻ bài làm  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *🡺 Gv chốt cách vận dụng phép cộng nhiều chữ số trong giải toán có lời văn* | - HS đọc đề và làm bài cá nhân.  - 1Hs chia sẻ bài làm  **+ Chọn đáp án C**  - HS khác vấn đáp bài làm của bạn  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: Đúng ghi Đ, sai ghi S**  **Chart, line chart  Description automatically generated**  Trong hình vẽ bên:  a) ABCD là hình thoi  b) ADMN là hình bình hành  c) Đoạn thẳng DN vuông góc với đoạn thẳng DC  d) Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AM  -HS đọc đề bài  -Yêu cầu 4 học sinh nối tiếp thực hiện  -GV nhận xét, tuyên dương học sinh làm bài tốt.  -Yêu cầu học sinh nhắc lại một số kiến thức có liên quan tới nội dung hình học xuất hiện trong bài toán.  *🡺 Gv chốt cách xác định đoạn thẳng song song, vuông góc, hình thoi và hình bình hành* | - HS đọc đề, làm bài cá nhân  - 4 HS nối tiếp thực hiện, mỗi học sinh làm một phần.  a) ABCD là hình thoi **Đ**  b) ADMN là hình bình hành **S**  c) Đoạn thẳng DN vuông góc với đoạn thẳng DC **S**  d) Có 2 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng AM **Đ**  -HS khác nhận xét bài làm của bạn  -HS nhắc lại tính chất hình bình hành... |
| **\* Bài 4.** Nam có một thanh sô-cô-la hình vuông cạnh 4cm. Nam đã ăn một miếng và phần sô-cô-la còn lại như hình vẽ dưới đây. Tính diện tích phần sô-cô-la Nam đã ăn.  Chart, diagram  Description automatically generated  - Yêu cầu HS đọc kĩ đề và quan sát hình vẽ  - GV tổ chức cho học sinh phân tích đề bài.  - Tổ chức cho học sinh chia sẻ bài làm  - GV chốt bài làm đúng, giới thiệu thêm cách giải khác (nếu cần)  *🡺 Gv chốt cách tính diện tích của một số hình học đã học* | - HS đọc đề, quan sát hình vẽ  - HS phân tích đề, đưa ra hướng giải  - HS làm bài cá nhân vào vở luyện tập toán  -1HS lên bảng làm bài  Bài giải  Chiều rộng thanh sô-cô-la Nam đã ăn là:  4 – 3 = 1 (cm)  Diện tích phần sô-cô-la Nam đã ăn là:  2 x 1 = 2 (cm2)  Đáp số: 2 cm2  - HS khác nhận xét, đưa ra cách làm khác (nếu có) |
| **3. HĐ Vận dụng (3-5’)**  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài, làm các bài tập cùng dạng và chuẩn bị bài sau.tiết 3 tuần 18 | - HS nghe  - HS thực hiện  - HS nghe |
| **Điều chỉnh sau bài dạy:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**Tiết 7 GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Bài 3: Bài tập rèn luyện kĩ năng bật cao ( tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.

- NL vận động cơ bản: Thực hiện được bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình.

- Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hình.

**2. Năng lực**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước bài tập phối hợp di chuyển vượt qua chướng ngại vật trên địa hìnhtrong sách giáo khoa và quan sát động tác mẫu của giáo viên.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**3. Phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

**II. ĐỊA ĐIỂM – PHƯƠNG TIỆN**

**- Địa điểm**: Sân trường

**- Phương tiện:**

+ Giáo viên chuẩn bị:Tranh ảnh, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Lượng VĐ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **T. gian** | **S. lần** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Phần mở đầu**  Nhận lớp  Khởi động  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  - Trò chơi “trời nắng trời mưa”    **II. Phần cơ bản:**  **- Kiến thức.**  - Học di chuyển vượt qua nhiều chướng ngại nhỏ, lớn trên địa hình  - Bài tập chuyển vượt qua nhiều chướng ngại nhỏ, trên địa hình.    . - Bài tập di chuyển vượt qua nhiều chướng ngại lớn trên địa hình    -**Luyện tập**  Tập đồng loạt  Tập theo tổ nhóm  Tập theo cặp đôi  Tập theo cá nhân  Thi đua giữa các tổ  - Trò chơi “Di chuyển tiếp sức theo cặp”.    - Bài tập PT thể lực:  **- Vận dụng:**  **III.Kết thúc**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.  Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà  - Xuống lớp | 5 – 7’  2-3’  16-18’  3-5’  4- 5’ | 2x8N  1 lần  1 lần  4 lần  3 lần    4 lần  1 lần  1 lần | Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  - GV HD học sinh khởi động.  - GV hướng dẫn chơi  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu  - Cho 2 HS lên thực hiện động tác mẫu  - GV cùng HS nhận xét, đánh giá tuyên dương   * GV thổi còi - HS thực hiện động tác. * Gv quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. * Tiếp tục quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS * Phân công tập theo cặp đôi   GV Sửa sai   * GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. * GV và HS nhận xét đánh giá tuyên   dương.  - GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, tổ chức chơi trò chơi cho HS.  - Nhận xét tuyên dương và sử phạt người phạm luật  - Cho HS chạy bước nhỏ tại chỗ đánh tay tự nhiên 20 lần  - Yêu cầu HS quan sát tranh trong sách trả lời câu hỏi?  - GV hướng dẫn  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của hs.  - VN ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | Đội hình nhận lớp  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  - HS khởi động theo GV.  - HS Chơi trò chơi.    - Đội hình HS quan sát tranh  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹  HS quan sát GV làm mẫu  HS tiếp tục quan sát  - Đội hình tập luyện đồng loạt.        ĐH tập luyện theo tổ  🚹 🚹  🚹 🚹 🚹 🚹 🚹  🚹 GV 🚹   * HS vừa tập vừa giúp đỡ nhau sửa động tác sai   - Từng tổ lên thi đua trình diễn  - Chơi theo hướng dẫn        HS chạy kết hợp đi lại hít thở  - HS trả lời  - HS thực hiện thả lỏng  - ĐH kết thúc  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹🚹🚹🚹🚹🚹🚹  🚹 |

**Thứ Năm ngày 1 tháng 2 năm 2024**

**Tiết 1 TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố cách thực hiện nhân với số có hai chữ số. Vạn dụng giải bài toán có liên quan.

- Biết cách nhân với số tròn chục (tính nhẩm đưa về nhân với số có một chữ số).

**2. Năng lực:** năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, màn chiếu,

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - Gọi HS lên bảng làm bài:  *Tính: 32 × 21* | - HS làm bài |
| - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS ghi bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)** |  |
| **a. Mục tiêu**: - Củng cố cách thực hiện nhân với số có hai chữ số. Vạn dụng giải bài toán có liên quan.  - Biết cách nhân với số tròn chục (tính nhẩm đưa về nhân với số có một chữ số).  **b. Cách tiến hành:**  **1:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài yêu cầu làm gì? | - HS trả lời |
| - GV yêu cầu HS làm bài vào sgk. | - HS làm bài |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Thừa số | 340 | 270 | 49 | 66 | | Thừa số | 12 | 63 | 25 | 58 | | Tích | 4080 | 17010 | 1225 | 3828 | | |
| - GV yêu cầu HS đọc kết quả và giải thích. | - HS thực hiện. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| a. – Yêu cầu HS nhận xét thừa số thứ hai. (*là các số tròn chục).* | - HS nhận xét |
| - GV làm mẫu.  *24 × 30 = (24 × 3) × 10 = 720* | - HS làm mẫu |
| *-* GV yêu cầu HS nhận xét mẫu và chốt | - HS nhận xét mẫu |
| - GV yêu cầu HS làm các ý còn lại *(có thế nhẩm mà không cần đặt tính).*  b. Tương tự ý a. | - HS làm bài |
| *Đáp án:*  *a. 36 × 40 = (36 × 4) × 10 = 1440*  *72 × 60 = (72 × 6) × 10 = 4320*  *89 × 50 = (89 × 5) × 10 = 4450*  *b. 130 × 20 = (13 × 2) × 100 = 2600*  *450 × 70 = (45 × 7) × 100 = 31500*  *2300 × 50 = (23 × 5) × 1000 = 115000*  *17000 × 30 = (17 × 3) × 10000 = 510000* |  |
| - GV khen ngợi HS. | - Lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Gọi HS phân tích bài toán.  + *Muốn tính được diện tích hình chữ nhật ta làm thế nào?* | - Phân tích bài toán. |
| - GV yêu cầu HS nhận xét số đo chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật.  + *Vẫn là nhân với số có hai chữ số.* | - HS nhận xét. |
| - GV yêu cầu HS làm bài vào vở. | - HS làm bài |
| *Đáp án:*  *a. Diện tích hình chữ nhật là:*  *30 × 24 = 720 (cm2)*  *Đáp số: 720 cm2*  *b. Diện tích hình chữ nhật là:*  *25 × 18 = 450 (m2)*  *Đáp số: 450 m2* |  |
| - GV đánh giá và tuyên dương. |  |
| **Bài 4:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Gọi HS phân tích bài toán.  + *Muốn tính được số tiền bán xoài và cam ta làm thế nào?*  *+ Làm thế nào để tính được số tiền bán xoài (cam)?* | - Phân tích bài toán. |
| - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm 2 và đọc bài làm. | - HS thực hiện |
| *Gợi ý:*  *Số tiền bán xoài là:*  *30 000 × 12 = 360 000 (đồng)*  *Số tiền bán cam được là:*  *25 000 × 20 = 500 000 (đồng)*  *Số tiền bán cả cam và xoài là:*  *360 000 + 500 000 = 860 000 (đồng)*  *Đáp số: 860 000 đồng* |  |
| - GV đánh giá và tuyên dương. |  |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Cho HS tính: 509 × 200 | - HS làm bài |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT**

**Viết: Trả bài viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc**

**về một nhân vật trong văn học**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố được kĩ năng viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật.

- Học được điều hay từ bài viết của bạn.

- Nhận ra lỗi và biết cách sửa lỗi bài viết theo nhận xét, góp ý của thầy cô.

**2. Năng lực**: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV nêu mục đích, yêu cầu của tiết học | - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)** |  |
| *HĐ 1: Nghe thầy cô nhận xét chung* |  |
| - GV nhận xét về ưu điểm và hạn chế trong bài làm của HS. | - HS lắng nghe |
| + Ưu điểm: chọn được nhân vật tiêu biểu, nêu được đặc điểm nổi bật của nhân vật (hình dáng, hành động, lời nói, phẩm chất,...), thể hiện được cảm xúc của bản thân về nhân vật,... |  |
| + Hạn chế: Bài viết lạc sang hướng kể nhân vật; không thể hiện được rõ cảm xúc về nhân vật; dùng từ ngữ chưa chính xác, câu sai ngữ pháp (thiếu chủ ngữ, vị ngữ),... |  |
| *HĐ 2: Đọc hoặc nghe bài viết của bạn, nêu những điều em muốn học tập.* |  |
| - GV đọc một số bài làm hay cho cả lớp nghe. | - HS lắng nghe, tìm ra cái hay, cái đáng học từ bài viết của bạn. |
| + Em học được điều gì từ bài viết của bạn?  + Trong bài của bạn, câu nào là câu chủ đề? | - HS trả lời |
| + Các câu trong đoạn văn có bám sát vào câu chủ đề của đoạn không? Vì sao?... |  |
| HĐ 3 : Chỉnh sửa bài viết |  |
| a. GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết |  |
| - GV trả bài cho HS. | - HS nhận bài viết |
| - YC HS đọc lại bài và lời nhận xét để xác định những nội dung cần chỉnh sửa. | - HS đọc lại bài làm của mình |
| b. HS chỉnh sửa bài viết |  |
| - GV cho HS tự chỉnh sửa bài của mình | - HS viết vào vở những lỗi trong bài viết theo nhận xét của thầy cô |
| - YC HS đổi chéo vở kiểm tra | - HS đổi vở để bạn sửa lỗi |
|  | - HS viết lại những câu muốn chỉnh sửa. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - GV nhắc lại ND bài học |  |
| - Nhận xét tiết học |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 3 LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ**

**Bài 17: Một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung** **(t2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

– Xác định được vị trí các di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung trên bản đồ lược đồ.

– Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung.

**2. Năng lực:** giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ tự học.

**3. Phẩm chất**: yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, video, phiếu học tập.

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành** |  |
| - Yêu cầu HS kể tên một số di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung. | - HS kể tên |
| - GV giới thiệu-ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới (20’)** |  |
| ***2.2. Khám phá vùng đất của lễ hội*** |  |
| - GV mời 1-2 HS đọc thông tin trong SGK. | - 1-2 HS đọc thông tin. |
| - GV giới thiệu các lễ hội ở hình 5,6,7 và cho HS xem video giới thiệu về các lễ hội này.  + Hình 5: Lễ Rước cá Ông ở Quy Nhơn (tỉnh Bình Định): Đây là một sinh hoạt văn hoá truyền thống của ngư dân vùng biển được tổ chức hàng năm ở thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nhằm bày tỏ lòng biết ơn đối với cả Ông (tức cá voi- ngư dân gọi là thần Nam Hải), cẩu quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu Lễ hội gồm hai phần: phần lễ diễn ra với các nghi lễ như: Nghinh thần Nam Lải, lễ tế thần Nam Hải, lễ ra quân đánh bắt hải sản,..; phần hội được tổ chức với các hoạt động thể dục thể thao như: kéo co, lắc thúng.  +Hình 6: Lễ hội Ka-tế tại tháp Pô Kông Ga-nai (tỉnh Ninh Thuận): Ka tên là lễ hội dân gian đặc sắc nhất của người Chăm theo đạo Bà La Môn ở Ninh Thuận nói riêng và đồng bảo Chăm ở các tỉnh nói chung với ý nghĩa tưởng nhớ đến các vị thần và cấu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng thuận lợi, con người và vạn vật sinh sôi, nảy nở... Hình 6 là lễ hội được tổ chức tại tháp Pô Klông Ga-rai – ngôi tháp linh thiêng. đồng thời là một trong những công trình kiến trúc nghệ thuật và điêu khắc tiêu biểu của người Chăm.  +Hình 7: Một nghi thức trong lễ Khao lễ thế lính Hoàng Sa ở huyện Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi): Lê Khao lề thế lính Hoàng Sa được các tộc họ trên huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức hằng năm nhằm tưởng nhớ, tri ân những dân binh thuộc Hải đội Hoàng Sa đã có công thực thi và bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc đối với quân đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa từ thời các chúa Nguyễn. | - HS quan sát và lắng nghe. |
| - Yêu cầu HS HS quan sát hình, đọc thông tin, thảo luận nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ:  + Kể tên một số lễ hội ở vùng Duyên hải miền Trung và nêu những nét nổi bật về lễ hội ở vùng này (gợi ý: Địa điểm, thời gian tổ chức lễ hội, ý nghĩa của từng lễ hội; một số hoạt động trong lễ hội,...).  + Nêu cảm nghĩ của em về Lê Khao lề thế lính Hoàng Sa. | * HS thảo luận nhóm đôi |
| - Mời đại diện một số nhóm trình bày. | * Đại diện một số nhóm trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung. |
| - GV nhận xét, cho HS xem hình ảnh sưu tầm được về hành trang, phương tiện của những dân binh khi đi làm nhiệm vụ và một số hoạt động trong Lễ Khao lê thế lính được tổ chức ở huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi), đồng thời phân tích thêm ý nghĩa của các hiện vật và các hoạt động này. | * HS quan sát, lắng nghe. |
| **3. Luyện tập, thực hành: (10’)** |  |
| – GV hướng dẫn các nhóm HS thảo luận nhóm 4 và hoàn thành sơ đồ tư duy theo mẫu trong SGK. | - HS thảo luận nhóm 4. |
| **-** Mời đại diện một số nhóm đã hoàn thành báo cáo sản phẩm trước lớp, các nhóm khác theo dõi, đánh giá và bổ sung. | - Đại diện một số nhóm trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung |
| - GV nhận xét, tuyên dương. |  |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| – GV hướng dẫn các nhóm HS lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ:  + Nhiệm vụ 1: Sưu lầm tranh, ảnh về một số di sản thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung để làm bộ sưu tập và giới thiệu với bạn bộ sưu tập của mình.  + Nhiệm vụ 2: Làm bộ sưu tập bằng tranh ảnh, tư liệu về một lễ hội ở vùng Duyên hải miền Trung và giới thiệu với bạn sản phẩm của mình.  – Yêu cầu HS trưng bày sản phẩm của nhóm và thuyết minh trước lớp vào giờ học tiếp theo. | - HS thực hiện |
| - Nhận xét giờ học |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 4 CÔNG NGHỆ**

**Bài 7. Giới thiệu bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Kể tên, nhận dạng được các nhóm chi tiết chính và các chi tiết cụ thể của bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật.

**2. Năng lực:** Tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

- Năng lực công nghệ: Hiểu biết công nghệ, sử dụng công nghệ.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Máy tính, ti - vi, tranh ảnh trong sách giáo khoa được phóng to, bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật lớp 4.

- HS: sgk, bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật lớp 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV cầm bộ ghép kĩ thuật hỏi:  + Đố các em, trên tay cô đang cầm gì? (Bộ lắp ghép kĩ thuật)  + Trong hộp này, gồm có những gì? (Ốc, tua - vít, các tấm lắp ghép, tua - bin,...) | - HS suy ngẫm trả lời. |
| - GV giới thiệu - ghi bài |  |
| **2. Khám phá (30’)**  **Hoạt động: Làm quen với các chi tiết và dụng cụ lắp ghép** |  |
| - GV giới thiệu cho HS Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật của học sinh. | - HS quan sát bộ lắp ghép |
| - GV đặt câu hỏi cho HS, thảo luận nhóm đôi:  + Bộ lắp ghép có bao nhiêu chi tiết về chia làm mấy nhóm?  + Em hãy nhận dạng, gọi tên đúng và nêu số lượng các loại chi tiết. | - HS thảo luận nhóm và trả lời. |
| - GV cho các nhóm tự kiểm tra tên gọi nhận dạng từng loại chi tiết dụng cụ như hình 1 2 3 4 5 (trang 33 đến 37 SGK) và trình bày câu trả lời:  + Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật gồm 35 chi tiết được chia thành bốn nhóm:  + Nhóm chi tiết hình tấm  + Nhóm chi tiết hình thanh  + Nhóm chi tiết chuyển động  + Nhóm chi tiết kết nối  - Các nhóm trình bày và nhận xét, GV nhận xét.  - GV giới thiệu và hướng dẫn HS cách sắp xếp các chi tiết trong hộp có nhiều ngăn. Mỗi ngăn để một số chi tiết cùng loại hoặc 2 đến 3 loại khác nhau.  **Hoạt động ghi nhớ:**  - GV chốt kiến thức: Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật gồm 35 chi tiết được chia thành bốn nhóm (nhóm chi tiết hình tấm, nhóm chi tiết hình thanh, nhóm chi tiết chuyển động và nhóm chi tiết kết nối) cùng với hai dụng cụ lắp ghép mô hình (cờ-lê, tua vít) | - HS trình bày phần thảo luận, nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe và ghi nhớ. |
| **4. Củng cố kiến thức: (3-5’)**  **-** GV tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “Nhà kĩ sư tài ba” trả lời các câu hỏi:  1. Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật có mấy nhóm chi tiết? Em hãy kể tên các nhóm chi tiết đó.  2. Các dụng cụ nào dùng để lắp ghép mô hình?  - GV cho HS tham gia trò chơi và đúc kết kiến thức.  - Nhận xét tiết học. | - HS tham gia trò chơi. |

**Tiết 7 HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Tiết 2: Hành vi xâm hại trẻ em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- HS nhận biết được những hành vi bị xâm hại trẻ em – phân biệt được hành vi xâm hại thân thể, xâm hại tinh thần, xâm hại tình dục – những tổn thương mà trẻ em phải chịu đựng

**2. Năng lực**: giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: máy tính, ti vi, thẻ chữ cái

- HS: giấy A4, bút màu

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi xếp chữ (phát cho nhóm 4 học sinh thẻ chữ cái của một từ gồm 2 âm tiết, để theo thứ tự lộn xộn. Yêu cầu đoán và xếp từ liên quan đến nôi dung: những hành vi xấu làm tổn thương trẻ em? | - HS thực hiện. |
| - GV gọi HS trình bày (tổn thương, chia sẻ, bắt cóc,…). | - 3-4 HS chia sẻ. |
| - GV tổng kết phần chia sẻ của HS, giới thiệu – ghi bài. |  |
| **2. Khám phá chủ đề (10’)** |  |
| - GV mờ HS quan sát hình ảnh và mô tả sự việc được thể hiện qua tranh. | - HS thực hiện |
| - GV đưa ra các cụm từ chỉ hành động xâm hại để HS gọi tên các hành động xâm hại theo tranh. | - HS thực hiện |
| - Yêu cầu HS suy nghĩ và bổ sung thêm những hành vi làm tổn thương trẻ em mà em biết, được nghe kể hoặc chứng kiến hoặc tham gia (buôn bán, bắt cóc trẻ em,…) | - HS thực hiện |
| Kết luận: Những hành vi làm tổn thương TE được gọi là “xâm hại trẻ em” vẫn xảy ra hàng ngày. Chúng ta cần phải cảnh giác, quan sát để nhận biết được các hành vi đó, tự bảo vệ mình và cảnh báo mọi người. | |
| **3. Mở rộng và tổng kết chủ đề (10’)** |  |
| - Yêu cầu nhóm 4 HS sử dụng tranh HĐ1 thảo luận các tranh thuộc hình thức xâm hại nào? (xâm hại thân thể, xâm hại tinh thần, xâm hại tình dục) | - HS thực hiện |
| - HS thảo luận và chia sẻ | - HS chia sẻ |
| - GV mời một số HS chia sẻ trước lớp. |  |
| |  |  | | --- | --- | | Xâm hại thân thể | Hình 3: lạm dụng sức lao động | | Xâm hại tinh thần | Hình 1: nhốt vào phòng kín, hình 2: lăng mạ, xúc phạm và hình 5: bỏ rơ, bỏ mặc | | Xâm hại tình dục | Hình 4 và hình 6 (đụng chạm cơ thể) | | |
| - GV kết luận: chúng ta rất cần nhận biết các hành vi xâm hại, các dấu hiệu cảnh áo nguy cơị xâm hại để phòng tránh | - HS lắng nghe, ghi nhớ |
| **4. Cam kết hành động: (10’)** |  |
| - GV hướng dẫn HS về nhà trò chuyện với người thân: về các tình huống trẻ em có nguy cơ bị xâm hại và ghi lại các tình huống đó lên tấm bìa để chia sẻ cùng bạn. | - HS lắng nghe thực hiện |
| - Nhận xét giờ học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Thứ Sáu ngày 2 tháng 2 năm 2024**

**Tiết 1 TOÁN**

**Luyện tập**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Củng cố vận dụng nhân với số có hai chữ số vào các bài tạp, bài toán thực tế có liên quan.

- Củng cố về các tích riêng trong phép nhân với số có hai chữ số.

**2. Năng lực**: năng lực tư duy, lập luận toán học, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, màn chiếu,

- HS: sgk, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - Gọi HS nêu kết quả phép tính:  *430 × 20* | - HS nhẩm kết quả. |
| - GV giới thiệu - ghi bài. | - HS ghi bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành: (30’)** |  |
| **Bài 1:**  *a. Đặt tính rồi tính*  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Bài có mấy yêu cầu? Đó là những yêu cầu nào? | - HS trả lời. |
| - GV gọi HS nhắc lại cách đặt tính và cách tính. | - HS trả lời. |
| - GV yêu cầu HS làm hai ý đầu vào vở ô ly rồi đổi chéo. | - HS làm bài. |
| *Đáp án:* |  |
| *b. Số?* |  |
| - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu. | - Nhận xét. |
| - GV cho HS làm bài và ghi kết quả vào sgk. | - HS làm bài |
|  | |
| - GV tổng kết kiến thức của bài. | - Lắng nghe. |
| **Bài 2:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Hướng dẫn HS:  *+ Để lập được phép nhân đúng ta làm thế nào?*  *> Ta có thể lấy từng số ở hai ô thừa số nhân với nhau để xem kết quả.*  *> Ta có thể loại trừ bằng cách tìm chữ số tận cùng của tích.* | - HS lắng nghe và trả lời. |
| - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 2 rồi nêu kết quả. | - HS trả lời. |
| *Gợi ý:*  *48 × 12 = 567*  *72 × 60 = 4 320* |  |
| - GV khen ngợi HS. | - Lắng nghe. |
| **Bài 3:**  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Gọi HS phân tích bài toán.  + *Muốn biết số kẹo của hai hộp hơn kém nhau bao nhiêu cái ta làm thế nào?* | - Phân tích bài toán. |
| - GV yêu cầu HS làm bài vào vở. | - HS nhận xét |
| *Gợi ý:*  *Số kẹo ở hộp A là: 25 × 18 = 450 (cái)*  *Số kẹo ở hộp B là: 20 × 22 = 440 (cái)*  *Số kẹo hộp A hơn hộp B là:*  *450 – 44 = 10 (cái)*  *Đáp số: 10 cái kẹo* |  |
| - GV đánh giá và tuyên dương. |  |
| **Bài 4:**  *a. Đ, S?*  - Gọi HS đọc yêu cầu. | - HS đọc. |
| - Hướng dẫn:  + *Muốn biết phép tính nào đúng/sai ta làm thế nào?*  *Trả lời: Ta xem lại cách đặt tính và kết quả từng tích riêng và tích.* | - HS trả lời câu hỏi theo ý hiểu |
| - GV yêu cầu HS tính toán và đưa ra kết quả.  *Phép tính đầu đúng, phép tính thứ hai sai.* | - HS thực hiện. |
| - GV hỏi HS lí do đúng/sai.  *+Phép tính thứ hai đặt sai vị trí của tích riêng thứ hai.*  *+ Phép tính sai có kết quả:*  *54 = 27 × (1+1) = 27 + 27.* | - HS giải thích |
| *b.* |  |
| - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2 sau đó nêu kết quả.  *Gợi ý: (Khi nhân một số với 11 mà Nam đặt hai tích riêng thẳng cột thì nghĩa là Nam nhân số đó với (1+1).*  *Vậy số đó là 36 : 2 = 18.* | - Làm việc nhóm. |
| - GV yêu cầu HS thử lại phép tính sai đồng thời giúp Nam viết lại phép tính đúng. | - HS thực hiện |
| - Gv nhắc lại cách tính để tránh việc nhầm lẫn như bài toán. |  |
| - GV đánh giá và tuyên dương. | - Lắng nghe |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Cho HS tính: 52 × 11 | - HS làm việc nhóm. |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 2 TIẾNG VIỆT**

**Nói và nghe: Kể chuyện: Bài học quý**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết kể lại câu chuyện *Bài học quý* dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

**2. Năng lực:** năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi, tranh ảnh câu chuyện.

- HS: sách giáo khoa, vở ghi

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV giới thiệu ghi bài | - Lắng nghe |
| **2. Hình thành kiến thức: (30’)** |  |
| *HĐ 1: Nghe kể chuyện, ghi lại những chi tiết quan trọng.* |  |
| - GV chiếu 4 bức tranh và giới thiệu các nhân vật có trong tranh | - Theo dõi |
| - GV kể chuyện lần 1 kết hợp chỉ vào tranh minh họa | - HS lắng nghe, ghi nhớ |
| - GV kể chuyện lần 2 | - HS ghi lại những chi tiết quan trọng trong câu chuyện |
| *HĐ 2: Dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý, kể lại câu chuyện.* |  |
| - GV cho HS trả lời các câu hỏi gợi ý dưới mỗi bức tranh:  + Tranh 1: Chim sẻ có suy nghĩ như thế nào và đã làm gì khi nhận được quà của bà ngoại? (Sẻ nghĩ nếu mình cho chim chích ăn cùng thì số hạt kê còn lại ít quá. Vì thế Sẻ đã ăn một mình hết hộp kê bà ngoại gửi một cách lãng phí.)  + Tranh 2: Chim chích làm gì khi nhặt được những hạt kê ngon lành? (Nhìn thấy những hạt kê vàng óng vương trên cỏ, chích không ăn vội, nó nhặt từng hạt, đặt vào chiếc lá rồi gói lại cẩn thận và bay đi tìm chim sẻ.) | - HS lần lượt trả lời câu hỏi gợi ý |
| + Tranh 3: Chim chích đã nói gì khi chim sẻ từ chối nhận phần hạt kê? (Chim chích nói: “ Nhưng mình với cậu là bạn của nhau cơ mà. Đã là bạn thì bất cứ cái gì kiếm được cũng phải chia cho nhau. Lẽ nào cậu không nghĩ như thế?”  ?Theo em, câu nói đó cho thấy chim chích là nhân vật như thế nào? (hào phóng và tốt bụng)  + Tranh 4: Vì sao chim sẻ cảm thấy xấu hổ? (gợi ý: Vì sẻ thấy mình ích kỉ, chỉ biết nghĩ đến bản thân;…) |  |
| - GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng | - HS nhận xét, bổ sung ý kiến. |
| - GV hướng dẫn HS kể lại toàn bộ câu chuyện. Lưu ý giọng kể:  + Người dẫn chuyện: rõ ràng, truyền cảm.  + Chim chích: Vui tươi, hồ hởi.  + Chim sẻ: Từ lạnh lùng sang hối hận. | - Lắng nghe |
| - GV cho HS kể trong nhóm 2 | - HS kể trong nhóm |
| - GV mời HS kể chuyện | - Đại diện nhóm thi kể trước lớp |
| - GV nhận xét, khen ngợi nhóm kể hay. | - HS nhận xét, bầu chọn |
| *HĐ 3: Tóm tắt câu chuyện* |  |
| - Cách tiến hành:  + Bước 1: Làm việc cá nhân: Mỗi HS tự chuẩn bị nội dung tóm tắt ra vở nháp, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm. | - HS tự làm ra nháp |
| + Bước 2: Làm việc nhóm: HS trao đổi kết quả tóm tắt với các thành viên trong nhóm. | - Các nhóm thảo luận để phát hiện chi tiết thừa hoặc thiếu. |
| - GV mời đại diện nhóm trình bày | - Đại diện nhóm trình bày kết quả tóm tắt trước lớp |
| - GV nhận xét, khen nhóm trình bày tốt | - HS nhận xét, bổ sung |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm: (3-5’)** |  |
| - Nêu những điều mình muốn học tập ở nhân vật chim chích. (tốt bụng, luôn nghĩ đến bạn, sẵn sàng san sẻ cho bạn những hạt kê ngon.) | - HS nêu |
| 1. Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về nhân vật chim sẻ hoặc chim chích trong câu chuyện Bài học quý. | - HS chia sẻ với người thân ở nhà. |
| 2. Tìm đọc bài thơ về tình yêu thương giữa con người với con người hoặc giữa con người với loài vật. ( Quả hồng của thỏ con (TV3), Cậu bé đánh giày (TV3),…) | - HS nêu |
| - Nhận xét tiết học |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**

**Tiết 4 KHOA HỌC**

**Bài 21: Nấm gây hỏng thực phẩm và nấm độc (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nhận biết được tác hại của một số nấm mốc gây hỏng thực phẩm thông qua TN hoặc quan sát tranh ảnh, video.

- Vận dụng được kiến thức về nguyên nhân gây hỏng thực phẩm, nêu được một số cách bảo quản thực phẩm (làm lạnh, sấy khô, ướp muối,...)

**2. Năng lực**: năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, giao tiếp hợp tác.

3**. Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti - vi, tranh ảnh trong sách giáo khoa được phóng to, video hoặc sơ đồ về các loại nấm mốc, nấm độc và tác hại của chúng.

- HS: sgk, vở ghi, bút chì, bút màu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn?” trả lời các câu hỏi:  + Hãy kể tên một số loại nấm độc mà em biết?  + Chúng thường xuất hiện ở đâu? (Ở trên miếng bánh mì để lâu ngày, cơm thiu,...) | - HS suy ngẫm trả lời. |
| - GV giới thiệu- ghi bài |  |
| **2. Hình thành kiến thức: (30’)**  **HĐ 1: Nấm gây hỏng thực phẩm** |  |
| **HĐ1.1 và 1.2.**  - GV giới thiệu cho HS một số hình ảnh về tác hại của nấm mốc đối với thực phẩm: nấm mốc có thể tác động làm thay đổi màu sắc, hình dạng, mùi vị của thực phẩm thậm chí có một số loại nấm mốc còn tạo ra độc tố có hại cho sức khỏe con người. | - HS quan sát tranh và lắng nghe thông tin |
| - GV cho HS quan sát tranh 1 và 2 rồi trả lời các câu hỏi, HS thảo luận nhóm 6 trong 3 phút:  + Thực phẩm đã thay đổi như thế nào về màu sắc hình dạng?  + Nấm mốc mọc trên thực phẩm thường có màu gì?  - HS trình bày kết quả thảo luận nhóm của mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  + HS nhận xét về sự thay đổi màu sắc hình dạng của các thực phẩm nhiễm nấm mốc lớp mốc thường có màu trắng xanh,...)  + Dựa vào sự thay đổi màu sắc: lớp mốc trắng xanh trên bề mặt thực phẩm hình dạng mùi vị của thực phẩm để nhận biết thực phẩm đã bị nhiễm nấm mốc.  + Nấm mốc gây ra những tác hại có thể gây hỏng, ôi thiu, gây độc thực phẩm. Người ăn phải thức ăn nhiễm nấm mốc có thể bị suy gan, thận, có thể gây ung thư, thậm chí dẫn đến tử vong. | - HS quan sát, trả lời.  - HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và nhận xét. |
| - GV cho HS quan sát thêm hình ảnh về các loại nấm độc khác và chốt ý. | - HS quan sát và đúc kết thông tin |
| **HĐ 2: Nguyên nhân gây hỏng thực phẩm và cách bảo quản** |  |
| **HĐ2.1.**  **-** GV giới thiệu cho HS về hiện tượng thực phẩm bị nhiễm nấm và bị hỏng thường gặp ở gia đình và nêu lên những tác hại của nhiễm nấm đối với thực phẩm | - HS quan sát và tìm tác hại. |
| - GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin trong hình 3, tổ chức cho học sinh chia nhóm, thảo luận nhóm đôi nêu lên các nguyên nhân gây hỏng thực phẩm.  - Yêu cầu học sinh trình bày phần trả lời của mình.  + Nguyên nhân bao gồm: nhiệt độ cao, độ ẩm cao tạo điều kiện để nấm phát triển từ đó gây hỏng thực phẩm.  - GV cho HS “Em có biết?” hai nguyên nhân nhiệt độ độ ẩm cao tạo điều kiện thuận lợi cho các vi sinh vật gây hại nói chung phát triển trong đó có các loại nấm gây hỏng thực phẩm.  - GV cho HS quan sát thêm hình ảnh gây hỏng thực phẩm. | - HS quan sát tranh và thảo luận theo nhóm.  - HS trình bày câu trả lời.  - HS lắng nghe |
| **HĐ2.2**  - GV giới thiệu về tầm quan trọng của việc bảo quản thực phẩm tránh bị hỏng.  - Yêu cầu học sinh nêu một số cách để bảo quản thực phẩm.  - Cho HS quan sát hình 4 và nêu lên các cách bảo quản thực phẩm khác nhau, bao gồm: phơi hoặc sấy khô, ngâm đường và bảo quản ở điều kiện lạnh từ 0° C đến 4° C ở cả ở ngăn mát Âm 18° C cho thực phẩm ở ngăn đông.  - GV đặt câu hỏi mở rộng: Gia đình em đã làm gì để bảo quản thực phẩm?  - HS đưa ra câu trả lời: Rửa thực phẩm (cá, thịt,...) và cho vào ngăn đông để bảo quản,...  - GV nhận xét và chốt ý. | - HS nêu  - HS nêu câu trả lời.  - HS trình bày câu trả lời |
| - Nhận xét tiết học. |  |

**Tiết 6 TIẾNG VIỆT BS**

**Luyện tập Tiếng vViệt**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức, kĩ năng***

- Củng cố kĩ năng đọc và hiểu nội dung bài “xây nhà trên trờ

***2. Năng lực***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với các dạng bài tập Tiếng Việt.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở Luyện tập Tiếng Việt; máy soi

***2. Học sinh:*** Vở Luyện tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động, kết nối (3-5’):**  **a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho Hs, kết nối bài mới  **b. Cách tiến hành**  - GV tổ chức cho HS hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  + Giúp học sinh củng cố kiến thức, rèn kĩ năng viết bài, làm được các bài tập trong vở bài tập. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập, thực hành. (30’)**  **Hoạt động 1:** Luyện đọc  -GV gọi 1 hs đọc toàn bài  -GV chốt vị trí các đoạn: 3 đoạn  + Đoạn 1 : từ đầu........ treo cổ.  + Đoạn 2: tiếp ..... gỗ đến.  + Đoạn 3 : còn lại  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - Luyện đọc từ khó: *A-bu-na-vác…*  - Luyện đọc câu dài: Thợ trên đó đang thiếu gỗ làm mái nhà//nên rung chuông xu  *-* Luyện đọc đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc đoạn theo nhóm 4.  - GV nhận xét các nhóm. | -HS đọc  -HS theo dõi đánh dấu  - HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu dài.  - HS luyện đọc theo nhóm 4  -HS lắng nghe |
| **Hoạt động 2:** HDHS làm bài tập  - GV giao bài tập HS làm bài.  - GV lệnh HS chưa đạt chuẩn làm bài tập 7,8,9 Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV lệnh HS đạt chuẩn làm bài tập,7,8,9,10 Vở Luyện tập Tiếng Việt.  - GV cho HS làm bài trong vòng 10 phút.  - GV quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài |
| **Hoạt động 3:** Chữa bài  - GV Gọi 1 HS lên điều hành phần chia sẻ trước lớp.  oái oăm như thế.  **7. Trong câu chuyện, sự thông minh, tài trí A-bu-na-vác biêu hiện ở điều nào?**  A. Đổ lỗi cho quân lính không hoàn thành nhiệm vụ mình giao.  B. Đổ lỗi cho quân lính không chịu mang gỗ đến.  C. Nghĩ ra một kế khiến nhà vua phải tự thừa nhận yêu cầu vô lí của mình.  D. Làm cho nhà vua phải thừa nhận sự mưu trí của mình.  **8. Theo em câu chuyện này có ngụ ý gì?**  A. Không nên đòi hỏi những điều vô lí.  B. Thông minh, mưu trí có thể chuyển bại thành thắng.  C. Sự sáng tạo của con người là vô tận.  Ý kiến khác của em.............................  **9. Trong câu chuyện dân gian Việt Nam, có câu chuyện nào viết về trí thông minh của con người?**  ..........................................................................................................................  **10. Tìm trong bài :**  a, Các từ có nghĩa trái ngược nhau:  ............................................................  b, Những từ có nghĩa giống nhau:  ............................................................  c, Những từ chỉ màu sắc:  .............................................................  d, Những từ chỉ phẩm chất:  .............................................................  *🡺 GV giáo dục chỉ cần có sự thông minh và mưu trí thì mọi chuyện đều sẽ được giải quyết.* | -1 Hs lên chia sẻ.  -Hs trình bày  7. Khoanh vào D  8. Khoanh vào D  9. HS suy nghĩ trả lời  Cậu bé thông minh, Bác nông dân và con quỷ, Trí khôn của ta đây….  10. HS tìm  a. thiếu – đủ, lên – xuống  b. to – mạnh  c. xanh – đỏ  d. thông minh – tài trí  -HS trình bày bài làm của mình trước lớp.  -HS lắng nghe |
| **3. HĐ Vận dụng trải nghiệm (3-5’)**  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - GV gợi ý cho HS vận dụng nêu ý kiến về về việc thi đua của mình với mọi người  - Nhận xét giờ học.  - Dặn chuẩn bị bài sau. | - HS nêu yêu cầu bài tập*.*  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp, nhận xét sửa để câu văn hay và đúng  - HS chia sẻ. |
| **Điều chỉnh sau bài dạy:**  ...........................................................................................................................  ........................................................................................................................... | |

**Tiết 7 HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**Tiết 3: Nhận diện nguy cơ xâm hại trẻ em**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- HS xác định được những nguy cơ bị xâm hại,mức độ nguy hiểm của các tình huống bất thường để phòng, cảnh giác và thông báo với người lớn.

- HS chia sẻ cảm xúc sau khi trao đổi cùng người thân.

**2. Năng lực:** giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, tự chủ và tự học.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: máy tính, ti vi.

- HS: trang phục hoặc dụng cụ để thể hiện khả năng của bản thân

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Hoạt động tổng kết tuần:**  - GV cùng HS tổng kết tuần, dự kiến các hoạt động tuần sau.  \*Nhận xét ưu điểm và tồn tại:  \*Dự kiến các hoạt động tuần sau: | - HS chia sẻ trước lớp |
| **2. Chia sẻ thu hoạch sau trải nghiệm:** |  |
| - GV yêu cầu HS chia sẻ kết quả trao đổi cùng người thân về các tình huống trẻ em có nguy cơ bị xâm hại theo nhóm 4. | - HS chia sẻ theo cặp về kết quả trò chuyện với người thân trong gia đình. |
| - Tổ chức cho HS Xây dựng và thống nhất phân chia cấp độ nguy hiểm, các tiêu chí của từng cấp độ nguy hiểm- xây dựng bảng nhận diện cấp độ nguy hiểm. | - HS thực hiện. |
| - Tổ chức cho HS chia sẻ. | - HS chia sẻ. |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Hành vi | Hành động phòng tránh | | Cấp độ 1: Cảm giác bất an của mình | Lo lắng, bị nhốt,…. |  | | Cấp độ 2: Những biểu hiện bất thường của người khác | Nhìn chằm chằm, bám theo,… |  | | Cấp độ 3: dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm. | Ôm chặt, đụng chạm cơ thể,… |  | | |
| Kết luận: Cần có thói quen quan sát hành vi của người khác, không nên bỏ qua cảm giác bất an của mình và các hành vi bất thường của người khác,… | - HS lắng nghe thực hiện |
| **3.Hoạt động nhóm:trò chơi phản ứng nhanh** |  |
| - GV nêu luật chơi, mỗi nhóm làn lượt lật tấm thẻ ghi hành vi, biểu hiện bất thường của người khác và đưa ra lời cảnh báo (SOS/ nguy hiểm/ có dấu hiệu xâm hại thân thể.)  - Nhóm phản ứng nhanh, đưa ra đúng được 1 sao. Nhóm nào nhiều sao nhất sau 5 lượt chơi sẽ thắng. | - HS chuẩn bị |
| - GV tổ chức HS chơi | - HS thực hiện. |
| - GV phỏng vấn HS về các hành vi đó  Doạ nạt/ Bám theo/ Đụng chạm cơ thể/ Ep đi xin tiền/ Nhìn chằm chằm. | - HS chia sẻ |
| - GV kết luận: Chúng ta cần đưa ra cảnh báo khi thấy những biểu hiện bất thường của người khác | - HS lắng nghe |
| **4. Cam kết hành động:** |  |
| - GV yêu cầu HS suy nghĩ và trao đổi với thân về cách ứng phó trong những tình huống có nguy cơ bị xâm hại. | - HS lắng nghe thực hiện |
| - Nhận xét giờ học. |  |

**Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có):**